

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 24/6/2024
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Anh

Các Thẩm phán: Ông Vũ Tùng Lâm

Bà Đoàn Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thu Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2024/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 379/2024/HNGĐ-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2441/QĐPT-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7501/2024/QĐPT – HNGĐ ngày 06/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Bảo Ân, sinh năm 1985

Địa chỉ: 2 Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Chiêm Hạnh T, sinh năm 1984

Địa chỉ: 2 Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người kháng cáo: Bà Chiêm Hạnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, ông **Lưu Bảo Á** trình bày: Ông và bà **Chiêm Hạnh T** đã tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân từ năm 2011, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 137 quyển số 01/2011 ngày 17/10/2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng chung sống ở nhà cha mẹ ông **Á** ở địa chỉ **2 Đ, Phường A, quận B, TP H** cho đến nay. Quá trình chung sống, hai vợ chồng hạnh phúc một vài tháng thì đã phát sinh mâu thuẫn, ông **Á** đã xé giấy chứng nhận kết hôn và muốn chấm dứt cuộc hôn nhân ngay lúc đó, nhưng vì con nên ông vẫn tiếp tục. Tuy nhiên, quá trình chung sống, ông cảm thấy bà **T** không tôn trọng ông, hay có lời lẽ công kích ông trước mặt gia đình, bạn bè và không tôn trọng gia đình của ông. Từ năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Ông đã cố gắng tự hòa giải nhưng không thành công, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khiến ông rất mệt mỏi, bị rối loạn lo âu. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có nên ông yêu cầu được ly hôn với bà **Chiêm Hạnh T**.

Về con chung: Ông và bà **T** có một người con chung tên là: **Lưu Vân A**, sinh ngày 02/10/2012, ông đồng ý giao con chung cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về thu nhập: Hiện nay ông đang làm tài xế xe ôm, thu nhập không ổn định, trung bình khoảng dưới 10.000.000đồng/tháng vì vậy ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Về nhà ở: Hiện nay vợ chồng ông bà và con đang sống cùng với cha mẹ ông tại địa chỉ: **2 Đ, Phường A, quận B, TP H**.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn, bà **Chiêm Hạnh T** trình bày: Việc kết hôn, chung sống và con chung như ông **Á** trình bày là đúng. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chỉ mới xuất hiện gần đây, do ông **Á** đánh đề, nhắn tin qua lại với một số người phụ nữ, bà đã có khuyên can nhưng không được. Hiện nay con gái đang trong giai đoạn dậy thì, bà không muốn con bị ảnh hưởng, bà cũng sẽ cố gắng khắc phục mâu thuẫn giữa hai vợ chồng nên không đồng ý ly hôn. Bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông **Á** trả hết số nợ 230.000.000đồng của mẹ ruột của bà là bà **Trần Thị P**, sinh năm 1965, địa chỉ **B Đ, khóm B, Phường A, Thị xã V, huyện V, tỉnh Sóc Trăng**. Đây là nợ riêng của ông **Á** đối với bà **P**. Hiện nay bà đã được ủy quyền để đòi lại khoản nợ này nên bà sẽ đồng ý kí giấy ly hôn sau khi nhận được đủ số tiền 230.000.000đ từ ông **Á**.

Về con chung: Bà và ông **Á** có 01 người con chung tên **Lưu Vân A**, sinh ngày 02/10/2012, bà đồng ý trực tiếp nuôi con nếu phải ly hôn và yêu cầu ông **Á** cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng, nếu ông **Á** không đồng ý cấp dưỡng thì bà đồng ý giao con chung cho ông **Á** trực tiếp nuôi dưỡng và bà sẽ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng.

Về thu nhập: Hiện bà T buôn bán trái cây online, thu nhập không ổn định, chỉ khoảng 8.000.000đ/tháng. Về nhà ở: Từ khi kết hôn cho đến nay, bà sống tại nhà cha mẹ ông A ở địa chỉ 2 Đ, Phường A, quận B, TP H nếu ly hôn thì bà phải đi thuê nhà trọ.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm 379/2024/HNGĐ-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

“ ... 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Lưu Bảo A.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Bảo A được ly hôn bà Chiêm Hạnh T.

Giấy chứng nhận kết hôn 137, quyển số 01/2011 ngày 17/10/2011 của Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Sóc Trăng không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Lưu Vân A, sinh ngày 02/10/2012 cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3 Về cấp dưỡng: Bà Chiêm Hạnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lưu Vân A, sinh ngày 02/10/2012 số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng là kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Kể từ ngày người được quyền thi hành án có đơn thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.
....”

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo.

Ngày 14/3/2024, bà **T** kháng cáo không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Bà **Chiêm Hạnh T** trình bày:

Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Ông **Lưu Bảo Á** trình bày:

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn kháng cáo: Bà **T** kháng cáo đúng thời hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà **Chiêm Hạnh T**, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 379/2024/HNGĐ-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà **Chiêm Hạnh T** làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn – bà **Chiêm Hạnh T** về việc không đồng ý ly hôn:

Về hôn nhân: Bà **Chiêm Hạnh T** đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông **Á** trả hết số nợ 230.000.000 đồng cho mẹ ruột của bà là bà **Trần Thị P**, sinh năm 1965, địa chỉ **B Đ, khóm B, Phường A, Thị xã V, huyện V, tỉnh Sóc Trăng**. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà **T** thừa nhận còn tình cảm với ông **Á**, tuy nhiên ông **Á** đã có người phụ nữ khác và muốn ly hôn nên bà không níu kéo nhưng bà chỉ đồng ý ly hôn sau khi ông **Á** trả hết khoản nợ cho mẹ ruột bà. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân hạnh phúc là sự vun đắp của hai vợ chồng, mà bà **T** không đồng ý ly hôn với lý do ông **Á** chưa trả

hết nợ cho mẹ, về phía ông **Â** thì cương quyết ly hôn, thể hiện mâu thuẫn giữa hai bên thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và khả năng đoàn tụ là không có, do đó bản án sơ thẩm quyết định cho ông **Â** ly hôn với bà **T** là có cơ sở.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà **Chiêm Hạnh T.**

[3] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bà **T** và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà **Chiêm Hạnh T** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà **Chiêm Hạnh T**

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 379/2024/HNGĐ-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lưu Bảo Â** được ly hôn bà **Chiêm Hạnh T.**

Giấy chứng nhận kết hôn 137, quyển số 01/2011 ngày 17/10/2011 của Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Sóc Trăng không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

2.2 Về con chung: Giao con chung tên **Lưu Vân A**, sinh ngày 02/10/2012 cho ông **Â** trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3 Về cấp dưỡng: Bà **Chiêm Hạnh T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên **Lưu Vân A**, sinh ngày 02/10/2012 số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng là kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Kể từ ngày người được quyền thi hành án có đơn thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

2.4 Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông **Lưu Bảo Ân** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0028365 ngày 20/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Â** đã nộp đủ án phí.

- Án phí cấp dưỡng: Bà **Chiêm Hạnh T** phải chịu án phí cấp dưỡng là: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà **Chiêm Hạnh T** phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018919 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Chiêm Hạnh T** đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP.HCM
- TAND Q. Bình Thạnh;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi Cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND thị trấn Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: TGD, hồ sơ, (15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Trang

Vũ Tùng Lâm

Nguyễn Hoàng Anh